

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 127/2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng
có thời hạn và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 339/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật quản lý, phát triển nhà, kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7491/TTr-SXD ngày 14 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Điều khoản thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 9 năm 2026.
- Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định về quy mô công trình cho từng khu vực làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

b) Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng và Quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

c) Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

d) Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 quy định chi tiết một số nội dung về công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

đ) Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này và Quy định ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Linh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng có thời hạn
và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 127/2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 5 Điều 52, khoản 7 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP, cụ thể:

1. Quy mô, chiều cao đối với công trình xây dựng mới và công trình đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo; thời hạn tồn tại của công trình để làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.

2. Quản lý trật tự xây dựng, gồm:

- a) Phân cấp quản lý trật tự xây dựng cho Ủy ban nhân dân cấp xã;
b) Phân cấp tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng theo khoản 3 Điều 43 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;
c) Theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm trật tự xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể:

1. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) và cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.
3. Chủ đầu tư, nhà đầu tư, các nhà thầu trong nước và nước ngoài, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng và quản lý

1. Việc cấp giấy phép xây dựng có thời hạn chỉ được thực hiện đối với công trình đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quy định về quy mô, chiều cao và thời hạn tồn tại của công trình tại Quy định này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp giấy phép xây dựng có thời hạn; không thay thế các điều kiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn theo quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý trật tự xây dựng được thực hiện từ khi tiếp nhận thông báo khởi công hoặc từ khi khởi công xây dựng đối với trường hợp không thuộc đối tượng phải thông báo khởi công đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Việc quản lý trật tự xây dựng phải phù hợp với từng đối tượng công trình có yêu cầu cấp giấy phép xây dựng và công trình không yêu cầu cấp giấy phép xây dựng.

5. Việc phân cấp, phối hợp quản lý trật tự xây dựng phải bảo đảm rõ cơ quan thực hiện, cơ quan phối hợp, đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; không chồng chéo, không làm phát sinh thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ hoặc nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật.

Chương II

QUY MÔ, CHIỀU CAO VÀ THỜI HẠN TỒN TẠI CỦA CÔNG TRÌNH ĐỂ LÀM CĂN CỨ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN

Điều 4. Quy mô, chiều cao của công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Nhà ở riêng lẻ không có tầng hầm, tầng bán hầm; có tổng diện tích sàn xây dựng không quá 500m²; chiều cao công trình không quá 12m và số tầng cao không quá 02 tầng.

2. Công trình xây dựng cấp IV không có tầng hầm, tầng bán hầm; có tổng diện tích sàn xây dựng dưới 1.000m²; chiều cao công trình không quá 06m và có 01 tầng.

3. Đối với công trình quảng cáo, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác: Quy mô, chiều cao thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp pháp luật chuyên ngành chưa quy định cụ thể về quy mô, chiều cao thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng căn cứ hồ sơ đề nghị cấp phép, yêu cầu quản lý, phát triển và thời hạn quy hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận quy mô, chiều cao đối với công trình cụ thể theo điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

4. Công trình, nhà ở hiện trạng có quy mô, chiều cao lớn hơn so với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được cấp phép xây dựng có thời hạn để sửa chữa, cải tạo khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và việc sửa chữa, cải tạo không làm tăng quy mô, chiều cao so với hiện trạng công trình.

Điều 5. Thời hạn tồn tại của công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Thời hạn tồn tại của công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn phải được ghi cụ thể trong giấy phép xây dựng.

2. Trường hợp khu vực có công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn đã xác định được thời điểm thực hiện quy hoạch, triển khai dự án hoặc thời điểm thu hồi đất thì thời hạn tồn tại của công trình không được vượt quá các thời điểm đã được xác định nêu trên.

3. Trường hợp khu vực có công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn chưa xác định được cụ thể thời điểm thực hiện quy hoạch, thực hiện dự án hoặc thời điểm thu hồi đất thì thời hạn tồn tại của công trình không được vượt quá thời hạn của quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Thực hiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Trình tự, nội dung xem xét cấp, điều chỉnh, cấp lại, gia hạn giấy phép xây dựng có thời hạn được thực hiện theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định về điều kiện, thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, quy hoạch đã được phê duyệt, quy định pháp luật chuyên ngành và các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này để thực hiện việc cấp phép xây dựng có thời hạn.

Chương III
QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG
VÀ TIẾP NHẬN THÔNG BÁO KHỞI CÔNG

Điều 7. Nội dung quản lý trật tự xây dựng

Nội dung quản lý trật tự xây dựng thực hiện theo Điều 47 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, Điều 67 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý trật tự xây dựng đối với công trình thuộc trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo khoản 7 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP trong phạm vi địa giới hành chính do địa phương quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng đối với công trình được xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý. Việc gửi, tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng thực hiện theo khoản 3 Điều 43, điểm đ khoản 1 Điều 48 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

3. Đối với công trình được xây dựng trên địa giới hành chính của từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên:

a) Từng Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý trật tự xây dựng đối với phần công trình thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý và phối hợp trao đổi thông tin với các Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan;

b) Chủ đầu tư gửi 01 thông báo khởi công xây dựng và hồ sơ kèm theo theo quy định đến một trong các Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công trình được xây dựng. Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận là đầu mối cập nhật thông tin theo quy định và chuyển thông tin, bản điện tử hồ sơ đã tiếp nhận đến các Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để phối hợp quản lý. Các Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan không yêu cầu chủ đầu tư gửi lại thông báo khởi công hoặc hồ sơ đã được cơ quan đầu mối tiếp nhận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Việc công trình thuộc đối tượng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của pháp luật không làm thay đổi trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp tại Điều này. Các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.

Điều 9. Theo dõi, kiểm tra và xử lý khi phát hiện vi phạm trật tự xây dựng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức theo dõi, kiểm tra trật tự xây dựng trong suốt quá trình từ khi tiếp nhận thông báo khởi công hoặc khởi công xây dựng đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời vi phạm theo quy định.

2. Nội dung kiểm tra thực hiện theo Điều 7 Quy định này. Cơ quan thực hiện kiểm tra chỉ yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu và tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp hồ sơ, tài liệu cần thiết thuộc trách nhiệm lưu giữ, cung cấp theo quy định của pháp luật để phục vụ nội dung kiểm tra.

3. Khi phát hiện vi phạm, cơ quan có thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng phải yêu cầu dừng thi công, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định. Việc lập biên bản, hồ sơ xử lý và áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền thực hiện theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật có liên quan.

Điều 10. Xử lý vi phạm trật tự xây dựng

1. Hành vi vi phạm trật tự xây dựng được phát hiện phải được xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền, hành vi, đối tượng, trình tự và thủ tục theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan.

2. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khắc phục hậu quả, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và xác định thẩm quyền xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quy định này không quy định thêm hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả hoặc thẩm quyền xử phạt ngoài quy định của pháp luật.

Chương IV

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRONG QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG VÀ TIẾP NHẬN THÔNG BÁO KHỞI CÔNG

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.

3. Chủ trì kiểm tra trật tự xây dựng đối với công trình, vụ việc được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

4. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp, các cơ quan, đơn vị theo phân công trách nhiệm; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo đối với trường hợp chậm phát hiện, chậm xử lý hoặc để vi phạm kéo dài.

6. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng nhưng không được kiểm tra, xử lý theo quy định.

7. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

8. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn hành chính quản lý theo phân cấp tại Điều 8 Quy định này và khoản 8 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

2. Tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật có liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về trật tự xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý.

3. Tiếp nhận, cập nhật các dữ liệu thông tin thông báo khởi công vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP. Trường hợp hệ thống chưa đáp ứng yêu cầu kết nối, cập nhật, cơ quan tiếp nhận thực hiện lưu trữ, quản lý thông tin bằng phương thức điện tử hoặc phương thức phù hợp, bảo đảm khả năng cập nhật, đồng bộ khi hệ thống đáp ứng yêu cầu theo quy định.

4. Thường xuyên theo dõi kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm trật tự xây dựng theo quy định.

5. Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức thực hiện quyết định xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền đối với công trình trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền thì chuyển hồ sơ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, xử lý. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền thực hiện cưỡng chế theo quy định.

8. Kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền đối với công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định.

9. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các quyết định xử lý vi phạm hành chính, cưỡng chế trong hoạt động xây dựng trên địa bàn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

10. Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành biện pháp cần thiết, phù hợp thực tế nhằm quản lý trật tự xây dựng có hiệu quả; báo cáo Sở Xây dựng bằng văn bản về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng.

11. Định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn hành chính quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên

1. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc xây dựng theo giấy phép xây dựng, quy hoạch và hồ sơ thiết kế đối với các công trình xây dựng trong các khu công nghiệp, Khu công nghệ thông tin tập trung thuộc phạm vi được giao quản lý theo quy định.

2. Khi phát hiện công trình xây dựng vi phạm quy định về trật tự xây dựng phải kịp thời ngăn chặn, thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng có thẩm quyền để xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Cung cấp các thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan của các hành vi vi phạm trật tự xây dựng đến cơ quan có thẩm quyền để củng cố hồ sơ, đề xuất người có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng trong các khu công nghiệp, Khu công nghệ thông tin tập trung thuộc phạm vi quản lý mà không kịp thời phát hiện, ngăn chặn và phối hợp cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng xử lý theo quy định.

5. Phối hợp Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng đối với công trình xây dựng trong các khu công nghiệp, Khu công nghệ thông tin tập trung thuộc phạm vi được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan có liên quan trong kiểm tra, xử lý vi phạm.

7. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng theo đề nghị của Sở Xây dựng, để phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành.

8. Định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) về tình hình khởi công xây dựng và trật tự xây dựng các công trình trên địa bàn quản lý.

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và cơ quan chuyên ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin và xử lý nội dung liên quan đến đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, thủy lợi, đê điều và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

2. Sở Công Thương phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin và xử lý nội dung liên quan đến công trình công nghiệp, năng lượng, cụm công nghiệp, an toàn công nghiệp và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

3. Các sở, ban, ngành khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm cung cấp thông tin, phối hợp kiểm tra, xử lý vụ việc có liên quan khi cơ quan chủ trì đề nghị.

4. Việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước không làm phát sinh thêm thành phần hồ sơ, thủ tục hoặc nghĩa vụ báo cáo của chủ đầu tư, nhà thầu ngoài quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của Công an tỉnh, Công an cấp xã

1. Công an tỉnh chỉ đạo Công an cấp xã phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình kiểm tra, ngăn chặn, xử lý vi phạm, tổ chức cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Công an cấp xã phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự theo kế hoạch kiểm tra, kế hoạch cưỡng chế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; xử lý hành vi cản trở, chống người thi hành công vụ, gây rối trật tự công cộng và hành vi vi phạm pháp luật khác theo thẩm quyền.

3. Phối hợp bảo vệ hiện trường khi công trình xây dựng có sự cố, tai nạn, nguy cơ mất an toàn hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật cần xử lý theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu và các nhà thầu**1. Chủ đầu tư có trách nhiệm:**

- a) Bảo đảm các điều kiện khởi công xây dựng theo quy định của pháp luật;
- b) Thực hiện nghĩa vụ thông báo khởi công và cung cấp hồ sơ kèm theo đối với trường hợp pháp luật quy định; đối với công trình nằm trên địa bàn từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên thực hiện theo khoản 3 Điều 8 Quy định này;
- c) Tổ chức thi công đúng giấy phép xây dựng, thiết kế xây dựng, quy hoạch và quy định pháp luật có liên quan;
- d) Công khai giấy phép xây dựng theo quy định;
- đ) Chấp hành yêu cầu, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm thi công đúng thiết kế, giấy phép xây dựng và quy định pháp luật; thực hiện yêu cầu dừng thi công của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện trách nhiệm giám sát thi công theo quy định; kịp thời yêu cầu khắc phục và báo cáo chủ đầu tư khi phát hiện việc thi công không phù hợp với thiết kế, giấy phép hoặc có nguy cơ mất an toàn.

4. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình thực hiện trách nhiệm của mình theo pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong kiểm tra, xử lý vi phạm đối với công trình thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng.

5. Các tổ chức, cá nhân quy định tại Điều này có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi trách nhiệm của mình khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Thông tin, báo cáo

1. Sở Xây dựng tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo chế độ báo cáo hoặc khi có yêu cầu.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan có liên quan cung cấp thông tin phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Quy định tại Điều này là chế độ thông tin, báo cáo giữa các cơ quan nhà nước, không làm phát sinh nghĩa vụ báo cáo định kỳ của chủ đầu tư, nhà thầu, tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 18. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Xây dựng chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy phép xây dựng có thời hạn đã được cấp trước ngày Quy định này có hiệu lực tiếp tục có giá trị theo nội dung và thời hạn ghi trong giấy phép.

2. Thông báo khởi công và hồ sơ kèm theo đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục được quản lý, theo dõi; không yêu cầu chủ đầu tư gửi lại nếu không thuộc trường hợp pháp luật yêu cầu thay đổi, bổ sung.

3. Vụ việc vi phạm trật tự xây dựng đã được phát hiện, lập hồ sơ trước ngày Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục được xử lý theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quy định pháp luật có liên quan.